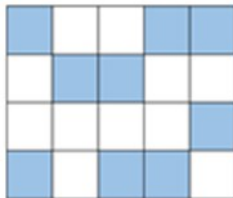


I – Phần trắc nghiệm: (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: Phân số chỉ số phần tô màu trong hình vẽ dưới là:



A. $\frac{11}{20}$.

B. $\frac{7}{20}$.

C. $\frac{1}{2}$.

D. $\frac{9}{20}$.

Câu 2 : Kết quả của phép tính $550000 : 25000$ là :

A. 22 .

B. 21 .

C. 20 .

D. 25 .

Câu 3 : Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả nhỏ nhất là :

A. $\frac{1}{5} + \frac{3}{2}$.

B. $\frac{1}{2} + \frac{2}{3}$.

C. $\frac{7}{9} \times \frac{3}{2}$.

D. $\frac{4}{3} : \frac{5}{3}$.

Câu 4 : $\frac{3}{4}$ của 1 thế kỉ là:

A. 25 năm.

B. 50 năm.

C. 75 năm.

D. 30 năm.

$$\frac{4}{5} m^2 - \frac{3}{4} cm^2 =mm^2$$

Câu 5 : Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

A. 875 000.

B. 800 750.

C. 800 075.

D. 807 500.

Câu 6 : Trung bình cộng của hai số là 41. Số lớn hơn số bé 4 đơn vị. Số lớn đó là:

A. 39.

B. 43.

C. 47.

D. 52.

II– Phần tự luận: (7 điểm)

Bài 1. Số? (2 điểm)

Số bị chia	75 697	48 012	63 497	14 946
Số chia	56	54	29	23
Thương				

Số dư				
-------	--	--	--	--

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm. (1 điểm)

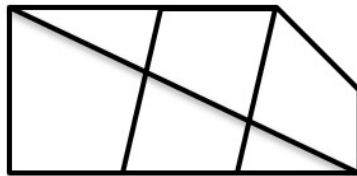
$$\frac{2}{5} \text{ tấn} \quad \frac{1}{2} \text{ tạ} = \dots \text{kg} \qquad \frac{19}{25} \text{ thế kỷ} = \dots \text{năm}$$

$$\frac{4}{7} \text{ m} \quad \frac{3}{2} \text{ dm} = \dots \text{cm} \qquad \frac{3}{5} \text{ m}^2 \quad \frac{3}{8} \text{ dm}^2 = \dots \text{mm}^2$$

Bài 3. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi bằng 54 m. Chiều dài hơn chiều rộng là 3m. Cứ 1 m² người ta thu hoạch được $\frac{5}{2}$ kg thóc.

- Tính diện tích của thửa ruộng đó. (2 điểm)
- Tính số thóc thu hoạch được trên cả thửa ruộng đó. (0, 5 điểm)

Bài 4. (1 điểm) Hình vẽ bên có:



..... hình bình hành.

..... góc tù.

Bài 5. (0, 5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện

$$\frac{5}{2} \times \frac{3}{5} + \frac{5}{2} \times \frac{1}{5} + \frac{5}{2}$$

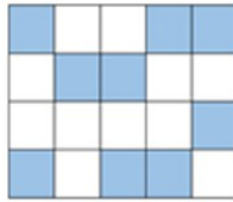
❗ HẾT ❗

BẢNG ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6
D	A	D	C	C	B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Phân số chỉ số phần tô màu trong hình vẽ dưới là:



A. $\frac{11}{20}$.

B. $\frac{7}{20}$.

C. $\frac{1}{2}$.

D. $\frac{9}{20}$.

Lời giải

Chọn D

Câu 2 : Kết quả của phép tính $550000 : 25000$ là :

A. 22 .

B. 21 .

C. 20 .

D. 25 .

Lời giải

$$550000 : 25000 = 22$$

Chọn A

Câu 3 : Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả nhỏ nhất là :

A. $\frac{1}{5} + \frac{3}{2}$.

B. $\frac{1}{2} + \frac{2}{3}$.

C. $\frac{7}{9} \times \frac{3}{2}$.

D. $\frac{4}{3} : \frac{5}{3}$.

Lời giải

$$\frac{1}{5} + \frac{3}{2} = \frac{17}{10} = \frac{102}{60}$$

$$\frac{1}{2} + \frac{2}{3} = \frac{7}{6} = \frac{70}{60}$$

$$\frac{7}{9} \times \frac{3}{2} = \frac{7}{6} = \frac{70}{60}$$

$$\frac{4}{3} : \frac{5}{3} = \frac{4}{5} = \frac{48}{60}$$

Chọn D

Câu 4 : $\frac{3}{4}$ của 1 thế kỉ là:

A. 25 năm.

B. 50 năm.

C. 75 năm.

D. 30 năm.

Lời giải

1 thế kỷ = 100 năm, $\frac{3}{4}$ của 1 thế kỉ là: 75 năm.

Chọn C

$$\frac{4}{5} m^2 \frac{3}{4} cm^2 =mm^2$$

Câu 5 : Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

A. 875 000.

B. 800 750.

C. 800 075.

D. 807 500.

Lời giải

$$\frac{4}{5}m^2 \frac{3}{4}cm^2 = 800075mm^2$$

Chọn C

Câu 6 : Trung bình cộng của hai số là 41. Số lớn hơn số bé 4 đơn vị. Số lớn đó là:

A. 39.**B.** 43.**C.** 47.**D.** 52.**Lời giải**

Tổng 2 số là: $41 \times 2 = 82$

Số lớn là: $(82 + 4) : 2 = 43$

Chọn B

II– Phần tự luận: (7 điểm)

Bài 1. Số? (2 điểm)

Số bị chia	75 697	48 012	63 497	14 946
Số chia	56	54	29	23
Thương				
Số dư				

Lời giải

Số bị chia	75 697	48 012	63 497	14 946
Số chia	56	54	29	23
Thương	1 351	889	2 189	649
Số dư	41	6	16	19

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm. (1 điểm)

$$\frac{2}{5} \quad \frac{1}{2}$$

tấn tạ =kg

$$\frac{19}{25}$$

thế kỷ =năm

$$\frac{4}{7}m \frac{3}{2}dm =cm$$

$$\frac{3}{5}m^2 \frac{3}{8}dm^2 =mm^2$$

$$\frac{2}{5} \quad \frac{1}{2}$$

tấn tạ = 450 kg

$$\frac{19}{25}$$

thế kỷ = 76 năm

$$\frac{4}{7}m \frac{3}{2}dm = \frac{505}{7}cm$$

$$\frac{3}{5}m^2 \frac{3}{8}dm^2 = 603750mm^2$$

Bài 3. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi bằng 54 m. Chiều dài hơn chiều rộng là 3m. Cứ 1 m² người ta thu hoạch được $\frac{5}{2}$ kg thóc.

- a) Tính diện tích của thửa ruộng đó. **(2 điểm)**
- b) Tính số thóc thu hoạch được trên cả thửa ruộng đó. **(0, 5 điểm)**

Lời giải

a) Nửa chu vi thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$54 : 2 = 27 \text{ (m)}$$

Chiều dài thửa ruộng là:

$$(27 + 3) : 2 = 15 \text{ (m)}$$

Chiều rộng thửa ruộng là:

$$15 - 3 = 12 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng là:

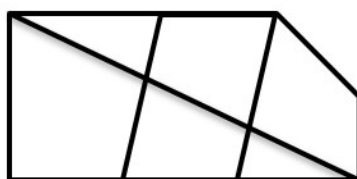
$$15 \times 12 = 180 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Số thóc thu hoạch được trên cả thửa ruộng đó là:

$$\frac{5}{2} \times 180 = 450 \text{ (kg)}$$

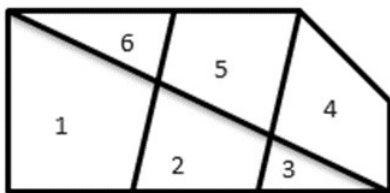
Đáp số: a) 180 m². b) 450 kg

Bài 4. (1 điểm) Hình vẽ bên có:



..... hình bình hành.

..... góc tù.

Lời giải

Có 1 hình bình hành. Đó là: (2 + 5)

Có 8 góc tù. Gồm:

+ Hình 1: có 2 góc tù

+ Hình 2: có 2 góc tù

+ Hình 4: có 2 góc tù

+ Hình 5: có 2 góc tù

Bài 5. (0, 5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện

$$\frac{5}{2} \times \frac{3}{5} + \frac{5}{2} \times \frac{1}{5} + \frac{5}{2}$$

Lời giải

$$\frac{5}{2} \times \frac{3}{5} + \frac{5}{2} \times \frac{1}{5} + \frac{5}{2} = \frac{5}{2} \times \left(\frac{3}{5} + \frac{1}{5} + 1 \right) = \frac{5}{2} \times \frac{9}{5} = \frac{9}{2}$$

❗ HẾT ❗

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HKII-NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: TOÁN 4

ĐỀ 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm). Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

$$\frac{5}{15}; \frac{27}{36}; \frac{6}{12}; \frac{99}{100}$$

Câu 1. (M1 – 0,5 điểm). Trong các phân số sau

phân số tối giản là:

A. $\frac{5}{15}$

B. $\frac{27}{36}$

C. $\frac{6}{12}$

D. $\frac{99}{100}$

$$\frac{5}{9}$$

Câu 2. (M1 – 0,5 điểm) $\frac{5}{9}$ là phân số rút gọn của phân số nào sau đây:

A. $\frac{5}{18}$

B. $\frac{10}{18}$

C. $\frac{2}{10}$

D. $\frac{9}{18}$

$$\frac{4}{5} \dots \frac{5}{7}$$

Câu 3. (M2 – 0,5 điểm) Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

A. >

B. <

C. =

D. Không có dấu nào

$$\frac{4}{9} + \dots = \frac{17}{18}$$

Câu 4. (M2 - 0,5 điểm) Cho phép tính $\frac{4}{9} + \dots = \frac{17}{18}$. Phân số thích hợp để điền vào chỗ.....là:

A. $\frac{13}{18}$

B. $\frac{13}{9}$

C. $\frac{9}{18}$

D. $\frac{5}{18}$

Câu 5. (M2 – 0,5 điểm) Có $\frac{3}{4}$ l nước mắm đóng vào các chai, mỗi chai đựng $\frac{3}{4}$ l nước mắm. Hỏi đóng được tất cả bao nhiêu chai nước mắm?

A. $\frac{32}{1}$ chai

B. $\frac{24}{1}$ chai

C. $\frac{18}{1}$ chai

D. $\frac{6}{1}$ chai

$$\frac{2}{3}$$

$$\frac{1}{3}$$

Câu 6. (M2 – 0,5 điểm) Một hình chữ nhật có chiều dài $\frac{2}{3}$ m và chiều rộng $\frac{1}{3}$ m. Chu vi của hình chữ nhật đó là:.....m

A. $\frac{4}{1}$

B. $\frac{3}{1}$

C. $\frac{2}{1}$

D. $\frac{1}{1}$

Câu 7: (0,5 điểm – M1) Đúng ghi Đ, sai ghi S

a, $\frac{7}{8} + \frac{1}{5} = \frac{7+1}{8+5} = \frac{8}{13}$ ☐

b, $\frac{2}{6} + \frac{3}{7} = \frac{14}{42} + \frac{18}{42} = \frac{32}{42} = \frac{16}{21}$ ☐

$$\frac{7}{8}; \frac{9}{7}; \frac{10}{12}; \frac{2009}{2010}$$

Câu 8. (0,5 điểm – M1) Trong các phân số $\frac{7}{8}; \frac{9}{7}; \frac{10}{12}; \frac{2009}{2010}$ phân số nào lớn nhất?

A. $\frac{7}{8}$

B. $\frac{9}{7}$

C. $\frac{10}{12}$

D. $\frac{2009}{2010}$

Phần II. Tự luận

Bài 1. Tính (M1 – 2 điểm)

$$\frac{9}{12} + \frac{7}{6} = \dots\dots\dots$$

a)

$$\frac{9}{8} - \frac{4}{16} = \dots\dots\dots$$

b)

$$\frac{5}{12} - \frac{2}{6} = \dots\dots\dots$$

c)

$$\frac{6}{10} \times \frac{3}{9} = \dots\dots\dots$$

d)

Bài 2. Tính giá trị biểu thức (M2 – 2 điểm)

$$\frac{13}{18} - \frac{2}{9} + \frac{1}{3}$$

=

=

$$\frac{1}{2} + \frac{3}{4} \times \frac{5}{6}$$

=

=

Bài 3. (M2 – 2 điểm) Tính chu vi và diện tích của tấm bìa hình chữ nhật biết chiều dài tấm bìa là $\frac{6}{7}$ m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài $\frac{1}{2}$ m?

Bài 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất (1 điểm)

$$\frac{3}{5} + \frac{4}{15} + \frac{11}{15} = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

BẢNG TRẢ LỜI

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
D	B	A	C	A	C	a – S b – Đ	B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm).** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

$$\frac{5}{15}, \frac{27}{36}, \frac{6}{12}, \frac{99}{100}$$

Câu 1. (M1 – 0,5 điểm). Trong các phân số sau phân số tối giản là:

A. $\frac{5}{15}$

B. $\frac{27}{36}$

C. $\frac{6}{12}$

D. $\frac{99}{100}$

Lời giải

Chọn D

Câu 2. (M1 – 0,5 điểm) $\frac{5}{9}$ là phân số rút gọn của phân số nào sau đây:

A. $\frac{5}{18}$

B. $\frac{10}{18}$

C. $\frac{2}{10}$

D. $\frac{9}{18}$

Lời giải

Chọn B

Câu 3. (M2 – 0,5 điểm) Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $\frac{4}{5} \dots \frac{5}{7}$

A. >

B. <

C. =

D. Không có dấu nào

Lời giải

Chọn A

Câu 4. (M2 - 0,5 điểm) Cho phép tính $\frac{4}{9} + \dots = \frac{17}{18}$. Phân số thích hợp để điền vào chỗ.....là:

A. $\frac{13}{18}$

B. $\frac{13}{9}$

C. $\frac{9}{18}$

D. $\frac{5}{18}$

Lời giải

Chọn C

Câu 5. (M2 – 0,5 điểm) Có 24 l nước mắm đóng vào các chai, mỗi chai đựng $\frac{3}{4}$ l nước mắm. Hỏi đóng được tất cả bao nhiêu chai nước mắm?

A. 32 chai

B. 24 chai

C. 18 chai

D. 6 chai

Lời giải

Chọn A

Đóng được tất cả số chai nước mắm là:

$$24 : \frac{3}{4} = 24 \times \frac{4}{3} = 32$$

l

$$\frac{2}{3}$$

$$\frac{1}{3}$$

Câu 6. (M2 – 0,5 điểm) Một hình chữ nhật có chiều dài $\frac{2}{3}$ m và chiều rộng $\frac{1}{3}$ m. Chu vi của hình chữ nhật đó là:.....m

A. $\frac{4}{3}$

B. $\frac{3}{2}$

C. $\frac{2}{3}$

D. $\frac{1}{3}$

Lời giải

Chọn C

$$\left(\frac{2}{3} + \frac{1}{3}\right) \times 2 = 2$$

Chu vi của hình chữ nhật đó là:m

Câu 7: (0,5 điểm – M1) Đúng ghi Đ, sai ghi S

$$\frac{7}{8} + \frac{1}{5} = \frac{7+1}{8+5} = \frac{8}{13} \quad \square$$

a,

$$\frac{2}{6} + \frac{3}{7} = \frac{14}{42} + \frac{18}{42} = \frac{32}{42} = \frac{16}{21} \quad \square$$

b,

Lời giải

a – S

b - Đ

$$\frac{7}{8}; \frac{9}{7}; \frac{10}{12}; \frac{2009}{2010}$$

Câu 8. (0,5 điểm – M1) Trong các phân số phân số nào lớn nhất?

A. $\frac{7}{8}$

B. $\frac{9}{7}$

C. $\frac{10}{12}$

D. $\frac{2009}{2010}$

Lời giải

Chọn B

Phần II. Tự luận

Bài 1. Tính (M1 – 2 điểm)

$$\frac{9}{12} + \frac{7}{6} = \dots\dots\dots$$

a)

$$\frac{9}{8} - \frac{4}{16} = \dots\dots\dots$$

b)

$$\frac{5}{12} - \frac{2}{6} = \dots\dots\dots$$

c)

$$\frac{6}{10} \times \frac{3}{9} = \dots\dots\dots$$

d)

$$\frac{9}{12} + \frac{7}{6} = \frac{9}{12} + \frac{14}{12} = \frac{23}{12}$$

a)

$$\frac{9}{8} - \frac{4}{16} = \frac{18}{16} - \frac{4}{16} = \frac{14}{16} = \frac{7}{8}$$

b)

$$\frac{5}{12} - \frac{2}{6} = \frac{5}{12} - \frac{4}{12} = \frac{1}{12}$$

c)

$$\frac{6}{10} \times \frac{3}{9} = \frac{6 \times 3}{10 \times 9} = \frac{18}{90} = \frac{6}{30} = \frac{1}{5}$$

d)

Bài 2. Tính giá trị biểu thức (M2 – 2 điểm)

$$\frac{13}{18} - \frac{2}{9} + \frac{1}{3}$$

=

=

$$\frac{1}{2} + \frac{3}{4} \times \frac{5}{6}$$

=

=

Lời giải

$$\frac{13}{18} - \frac{2}{9} + \frac{1}{3}$$

$$= \frac{13}{18} - \frac{4}{18} + \frac{6}{18}$$

$$= \frac{13 - 4 + 6}{18}$$

$$= \frac{15}{18} = \frac{5}{6}$$

$$\frac{1}{2} + \frac{3}{4} \times \frac{5}{6}$$

$$= \frac{1}{2} + \frac{15}{24}$$

$$= \frac{12}{24} + \frac{15}{24}$$

$$= \frac{27}{24} = \frac{9}{8}$$

Bài 3. (M2 – 2 điểm) Tính chu vi và diện tích của tấm bìa hình chữ nhật biết chiều dài tấm bìa là

$\frac{6}{7}$ m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài $\frac{1}{2}$ m?

Lời giải

Chiều rộng của tấm bìa hình chữ nhật là:

$$\frac{6}{7} - \frac{1}{2} = \frac{5}{14}$$

(m)

Chu vi của tấm bìa hình chữ nhật là:

$$\left(\frac{6}{7} + \frac{5}{14} \right) \times 2 = \frac{17}{7}$$

(m)

Diện tích của tấm bìa hình chữ nhật là:

$$\frac{6}{7} \times \frac{5}{14} = \frac{15}{49} \quad (\text{m}^2)$$

$$\frac{17}{7} \text{ m}$$

Đáp số: Chu vi:

$$\frac{15}{49} \text{ m}^2$$

Diện tích:

Bài 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất (1 điểm)

$$\frac{3}{5} + \frac{4}{15} + \frac{11}{15} = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

Lời giải

$$\frac{3}{5} + \frac{4}{15} + \frac{11}{15} = \frac{3}{5} + \left(\frac{4}{15} + \frac{11}{15} \right) = \frac{3}{5} + 1 = \frac{3}{5} + \frac{5}{5} = \frac{8}{5}$$

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HKII-NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: TOÁN 4

ĐỀ 3

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Minh có ⁹ quyển vở gồm ³ quyển vở màu xanh, ⁴ quyển vở màu vàng, ² quyển vở màu hồng. Phân số chỉ các phần quyển vở màu vàng trong tổng số vở của Minh là

A. $\frac{2}{9}$.

B. $\frac{3}{4}$.

C. $\frac{3}{9}$.

D. $\frac{4}{9}$.

Câu 2: Kết quả của phép chia $\frac{1}{35} : \frac{1}{7}$

A. $\frac{1}{15}$.

B. $\frac{5}{3}$.

C. $\frac{2}{5}$.

D. $\frac{1}{5}$.

Câu 3: Số gồm ⁶ trăm triệu, ³ trăm nghìn, ⁷ đơn vị được viết là

A. 600 300 700 .

B. 600 300 007 .

C. 63 007 .

D. 60300 007 .

Câu 4: Xe thứ nhất chở $\frac{3}{2}$ tấn gạo, xe thứ hai chở nhiều hơn xe thứ nhất $\frac{5}{2}$ tấn gạo. Vậy cả hai xe chở được

- A. 4 tấn. B. $\frac{11}{2}$ tấn. C. $\frac{7}{2}$ tấn. D. $\frac{9}{2}$ tấn.

Câu 5: Diện tích hình chữ nhật có chiều dài $\frac{5}{7}$ m và chiều rộng $\frac{3}{7}$ m là

- A. $\frac{8}{7}$ m². B. $\frac{30}{49}$ m². C. $\frac{15}{49}$ m². D. $\frac{21}{35}$ m².

Câu 6: Giá trị của biểu thức $\frac{3}{4} + \frac{1}{2} \times \frac{3}{2}$ là

- A. $\frac{3}{2}$. B. $\frac{15}{8}$. C. $\frac{5}{4}$. D. $\frac{5}{3}$.

Câu 7: $\frac{2}{3}$ của 12m là

- A. 8 m. B. 18 m. C. 6 m. D. 12 m.

Câu 8: Cho $\frac{3}{7} : \frac{\square}{7} = \frac{1}{7}$. Số thích hợp điền vào ô trống là

- A. 1. B. 3. C. 7. D. 21.

Câu 9: Chọn dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $\frac{1}{3} + \frac{1}{4} \dots \frac{5}{12} + \frac{1}{6}$

- A. >. B. <. C. =.

Câu 10: Cho các phân số $\frac{24}{30}$; $\frac{6}{10}$; $\frac{5}{6}$; $\frac{2}{3}$

- a) Các phân số tối giản là
b) Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là.....

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1: Tính

a) $4 - \frac{2}{3} =$

b) $18 \times \frac{2}{3} =$

c) $\frac{15}{13} : \frac{12}{13} =$

Bài 2: Tính.

a) $\frac{3}{5} + \frac{3}{4} : \frac{3}{8}$.

b) $\frac{9}{20} \times \frac{4}{7} : \frac{3}{2}$.

.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Một thùng mắm có 120 lít. Lần đầu bán được 24 lít nước mắm, lần thứ hai bán được một nửa số lít nước mắm còn lại. Hỏi sau hai lần bán được tất cả bao nhiêu lít nước mắm?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Bạn Lê rót đầy nước vào một cái chai chứa 350 ml . Sau đó, bạn lấy $\frac{1}{5}$ lượng nước trong chai tưới cho rau mầm đang ươm, rồi lại lấy một nửa số nước còn lại đổ vào bình hoa. Hỏi trong chai còn lại bao nhiêu mi-li-lít nước?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❗ HẾT ❗

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

BẢNG ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
D	D	B	B	C	A	A	D	C	

Câu 1: Minh có ^{9} quyển vở gồm ^{3} quyển vở màu xanh, ^{4} quyển vở màu vàng, ^{2} quyển vở màu hồng. Phân số chỉ các phần quyển vở màu vàng trong tổng số vở của Minh là

- A. $\frac{2}{9}$. B. $\frac{3}{4}$. C. $\frac{3}{9}$. **D. $\frac{4}{9}$.**

Lời giải

Chọn D

Câu 2: Kết quả của phép chia $\frac{1}{35} : \frac{1}{7}$

- A. $\frac{1}{15}$. B. $\frac{5}{3}$. C. $\frac{2}{5}$. **D. $\frac{1}{5}$.**

Lời giải

Chọn D

$$\frac{1}{35} : \frac{1}{7} = \frac{1}{35} \times \frac{7}{1} = \frac{7}{35} = \frac{1}{5}.$$

Câu 3: Số gồm ^{6} trăm triệu, ^{3} trăm nghìn, ^{7} đơn vị được viết là

- A. 600 300 700. **B. 600 300 007.** C. 63 007. D. 60300 007.

Lời giải

Chọn B

Câu 4: Xe thứ nhất chở $\frac{3}{2}$ tấn gạo, xe thứ hai chở nhiều hơn xe thứ nhất $\frac{5}{2}$ tấn gạo. Vậy cả hai xe chở được

- A. 4 tấn. **B. $\frac{11}{2}$ tấn.** C. $\frac{7}{2}$ tấn. D. $\frac{9}{2}$ tấn.

Lời giải

Chọn B

Xe thứ hai chở được số tấn gạo là

$$\frac{3}{2} + \frac{5}{2} = 4 \text{ (tấn)}.$$

Cả hai xe chở được số tấn gạo là

$$\frac{3}{2} + 4 = \frac{11}{2} \text{ (tấn)}.$$

Câu 5: Diện tích hình chữ nhật có chiều dài $\frac{5}{7}m$ và chiều rộng $\frac{3}{7}m$ là

A. $\frac{8}{7} m^2$.

B. $\frac{30}{49} m^2$.

C. $\frac{15}{49} m^2$.

D. $\frac{21}{35} m^2$.

Lời giải

Chọn C

Diện tích hình chữ nhật là

$$\frac{5}{7} \times \frac{3}{7} = \frac{15}{49} (m^2)$$

Câu 6: Giá trị của biểu thức $\frac{3}{4} + \frac{1}{2} \times \frac{3}{2}$ là

A. $\frac{3}{2}$.

B. $\frac{15}{8}$.

C. $\frac{5}{4}$.

D. $\frac{5}{3}$.

Lời giải

Chọn A

$$\frac{3}{4} + \frac{1}{2} \times \frac{3}{2} = \frac{3}{4} + \frac{3}{4} = \frac{6}{4} = \frac{3}{2}$$

Câu 7: $\frac{2}{3}$ của 12m là

A. 8 m.

B. 18 m.

C. 6 m.

D. 12 m.

Lời giải

Chọn A

$$12 \times \frac{2}{3} = 8 (m)$$

Câu 8: Cho $\frac{3}{7} : \frac{\square}{7} = \frac{1}{7}$. Số thích hợp điền vào ô trống là

A. 1.

B. 3.

C. 7.

D. 21.

Lời giải

Chọn A

$$\frac{3}{7} : \frac{21}{7} = \frac{3}{7} \times \frac{7}{21} = \frac{3}{21} = \frac{1}{7}$$

Câu 9: Chọn dấu thích hợp điền vào chỗ chấm $\frac{1}{3} + \frac{1}{4} \dots \frac{5}{12} + \frac{1}{6}$

A. >.

B. <.

C. =.

Lời giải

Chọn A

$$\frac{1}{3} + \frac{1}{4} = \frac{7}{12}; \quad \frac{5}{12} + \frac{1}{6} = \frac{5}{12} + \frac{2}{12} = \frac{7}{12}.$$

Câu 10: Cho các phân số $\frac{24}{30}; \frac{6}{10}; \frac{5}{6}; \frac{2}{3}$

a) Các phân số tối giản là $\frac{5}{6}; \frac{2}{3}$

b) Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là $\frac{6}{10}; \frac{2}{3}; \frac{24}{30}; \frac{5}{6}$.

Lời giải**Chọn A**

$$\frac{5}{6} = \frac{25}{30}; \quad \frac{6}{10} = \frac{18}{30}; \quad \frac{2}{3} = \frac{20}{30} \quad \text{vì} \quad \frac{18}{30} < \frac{20}{30} < \frac{24}{30} < \frac{25}{30} \quad \text{nên} \quad \frac{6}{10} < \frac{2}{3} < \frac{24}{30} < \frac{5}{6}$$

II. PHẦN TỰ LUẬN**Bài 1:** Tính

a) $4 - \frac{2}{3}$

b) $18 \times \frac{2}{3}$

c) $\frac{15}{13} : \frac{12}{13}$

Lời giải

a) $4 - \frac{2}{3} = \frac{12}{3} - \frac{2}{3} = \frac{10}{3}$.

b) $18 \times \frac{2}{3} = \frac{18}{1} \times \frac{2}{3} = \frac{36}{3} = 12$.

c) $\frac{15}{13} : \frac{12}{13} = \frac{15}{13} \times \frac{13}{12} = \frac{15 \times 13}{13 \times 12} = \frac{15}{12} = \frac{5}{4}$.

Bài 2: Tính.

a) $\frac{3}{5} + \frac{3}{4} : \frac{3}{8}$.

b) $\frac{9}{20} \times \frac{4}{7} : \frac{3}{2}$.

Lời giải

a) $\frac{3}{5} + \frac{3}{4} : \frac{3}{8} = \frac{3}{5} + \frac{3}{4} \times \frac{8}{3} = \frac{3}{5} + \frac{8}{4} = \frac{3}{5} + \frac{2}{1} = \frac{6}{5}$

b) $\frac{9}{20} \times \frac{4}{7} : \frac{3}{2} = \frac{9}{20} \times \frac{4}{7} \times \frac{2}{3} = \frac{3 \times 3 \times 4 \times 2}{4 \times 5 \times 7 \times 3} = \frac{3 \times 2}{5 \times 7} = \frac{6}{35}$

Bài 3: Một thùng mắm có 120 lít. Lần đầu bán được 24 lít nước mắm, lần thứ hai bán được một nửa số lít nước mắm còn lại. Hỏi sau hai lần bán được tất cả bao nhiêu lít nước mắm?

Lời giải

Số lít nước mắm còn lại sau hi bán lần đầu là

$$120 - 24 = 96 \text{ (lít)}.$$

Lần thứ hai bán được số lít nước mắm là

$$96 \times \frac{1}{2} = 48 \text{ (lít)}.$$

Cả hai lần bán được số lít nước mắm là

$$48 + 24 = 72 \text{ (lít)}.$$

Bài 4: Bạn Lê rót đầy nước vào một cái chai chứa 350 ml. Sau đó, bạn lấy $\frac{1}{5}$ lượng nước trong chai tưới cho rau mầm đang ươm, rồi lại lấy một nửa số nước còn lại đổ vào bình hoa. Hỏi trong chai còn lại bao nhiêu mi-li-lít nước?

Lời giải

Lượng nước Lê dùng để tưới rau mầm là

$$350 \times \frac{1}{5} = 70 \text{ (ml)}$$

Lượng nước còn lại là

$$350 - 70 = 280 \text{ (ml)}$$

Lượng nước Lê đổ vào bình hoa là

$$280 \times \frac{1}{2} = 140 \text{ (ml)}$$

Trong chai còn lại số mi-li-lít nước là

$$350 - (70 + 140) = 140 \text{ (ml)}$$

❗ HẾT ❗